

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BÀI TẬP THỰC HÀNH 02

Xử Lý Thông Tin



Mã Môn: IE103
Tên Môn: Quản Lý Thông Tin
Lớp: LT.K2025.2.CNTT
Giảng Viên: Ths. Nguyễn Thành Luân
Thực Hiện: Nhóm 02

Tháng 12, 2025

Mục Lục

Trang Bìa (Bài Tập Thực Hành 02)	i
Mục Lục	ii
Danh Sách Bảng	ii
Danh Sách Hình Ảnh	iii
Danh Sách Mã Nguồn	iii
Danh Sách TODO	iii
Nhóm 02	iv
Đề Bài - Cơ Sở Dữ Liệu về Quản Lý Đề Tài	v
Môi Trường Triển Khai	v
1. Phần 1	1
1.1. CREATE - Tạo Các Quan Hệ	1
1.2. INSERT - Thêm Dữ Liệu	4
2. Phần 2	8
2.1. A. STORED PROCEDURES VỚI THAM SỐ VÀO	8
2.2. B. STORED PROCEDURES VỚI THAM SỐ VÀO VÀ RA	11
2.3. C. TRIGGER	20
2.4. D. FUNCTION	25
2.5. E. CURSOR	30
3. Phụ Lục: Thiết Lập Môi Trường Lab	36
3.1. Các Tài Nguyên	36
3.2. Thiết bị	36
3.3. Các công cụ	36
3.4. Quản lý vòng đời của SQL Server.	36
3.5. Khởi tạo môi trường lab thủ công	36
3.6. Khởi tạo môi trường lab với ADS (SQL Projects)	37

DANH SÁCH BẢNG

Nhóm 02	iv
---------------	----

DANH SÁCH HÌNH ẢNH

DANH SÁCH MÃ NGUỒN

DANH SÁCH TODO

TODO 1 2.C TRIGGER: Chỉnh sửa LOGIC.	20
TODO 2 2.C TRIGGER: Bổ sung Ví dụ.	20

Nhóm 02

Thành viên của nhóm và bảng nhiệm vụ cho Bài Tập Thực Hành 02.

No	MSSV	Họ và Tên	Phụ Trách
1	25410291	Đinh Xuân Sâm	• Tổng hợp & Biên tập.
2	25410319	Đặng Hữu Toàn	• Phần 2.C (Mục 2.3)
3	25410321	Nguyễn Điền Triết	• Phần 1.* (Mục 1.xx) • Phần 2.A (Mục 2.1)
4	25410204	Trương Xuân Hậu	• Phần 2.E (Mục 2.5)
5	25410338	Lê Anh Vũ	
6	25410176	Trần Sơn Bình	
7	25410247	Lê Kim Long	• Phần 2.B (Mục 2.2)
8	25410337	La Anh Vũ	
9	25410209	Lê Ngọc Hiệp	• Phần 2.D (Mục 2.4)
10	25410271	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	

Nhóm 02

ĐỀ BÀI - CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ QUẢN LÝ ĐỀ TÀI

Cho lược đồ quan hệ sau, hãy hoàn thành các yêu cầu ở Mục 1 (Phần 1) và Mục 2 (Phần 2).

1. SINHVIEN(MSSV, TENS_V, SODT, LOP, DIACHI)
2. DETAI(MSDT, TENDT)
3. SV_DETAI(MSSV, MSDT)
4. GIAOVIEN(MSGV, TENG_V, DIACHI, SODT, MSHH, NAMHH)
5. HOCVI(MSHV, TENHV)
6. CHUYENNGANH(MSCN, TENCN)
7. GV_HV_CN(MSGV, MSHV, MSCN, NAM)
8. HOCHAM(MSHH, TENHH)
9. GV_HDDT(MSGV, MSDT, DIEM)
10. GV_PBDT(MSGV, MSDT, DIEM)
11. GV_UVDT(MSGV, MSDT, DIEM)
12. HOIDONG(MSHD, PHONG, TG_{BD}, NGAYHD, TINHTRANG, MSGV)
13. HOIDONG_GV(MSHD, MSGV)
14. HOIDONG_DT(MSHD, MSDT, QUYETDINH)

MÔI TRƯỜNG TRIỂN KHAI

- RDBMS: Microsoft SQL Server 2019 (Azure SQL Edge).
- Editor/IDE: Azure Database Studio (ADS).
- Extensions: SQL Database Projects (`microsoft.sql-database-projects`).

PHẦN 1

1.1. CREATE - Tạo Các Quan Hệ

1.1.1. SINHVIEN

```
1 CREATE TABLE SINHVIEN (  
2     MSSV CHAR(8) PRIMARY KEY,  
3     TENSX NVARCHAR(30) NOT NULL,  
4     SODT VARCHAR(10) NOT NULL,  
5     LOP CHAR(10) NOT NULL,  
6     DIACHI NCHAR(50)  
7 );
```

1.1.2. DETAI

```
1 CREATE TABLE DETAI (  
2     MSDT CHAR(6) PRIMARY KEY,  
3     TENDT NVARCHAR(30) NOT NULL  
4 );
```

1.1.3. SV_DETAI

```
1 CREATE TABLE SV_DETAI (  
2     MSSV CHAR(8),  
3     MSDT CHAR(6),  
4     PRIMARY KEY (MSSV, MSDT),  
5     CONSTRAINT FK_SV_DETAI_SV FOREIGN KEY (MSSV) REFERENCES SINHVIEN(MSSV),  
6     CONSTRAINT FK_SV_DETAI_DT FOREIGN KEY (MSDT) REFERENCES DETAI(MSDT)  
7 );
```

1.1.4. HOCHAM

```
1 CREATE TABLE HOCHAM (  
2     MSHH INT PRIMARY KEY,  
3     TENHH NVARCHAR(20) NOT NULL  
4 );
```

1.1.5. GIAOVIEN

```
1 CREATE TABLE GIAOVIEN (  
2     MSGV INT PRIMARY KEY,  
3     TENGV NVARCHAR(30) NOT NULL,  
4     DIACHI NVARCHAR(50) NOT NULL,  
5     SODT VARCHAR(10) NOT NULL,  
6     MSHH INT NOT NULL,  
7     NAMHH SMALLDATETIME NOT NULL,  
8     CONSTRAINT FK_GV_HH FOREIGN KEY (MSHH) REFERENCES HOCHAM(MSHH)  
9 );
```

1.1.6. HOCVI

```
1 CREATE TABLE HOCVI (  
2     MSHV INT PRIMARY KEY,  
3     TENHV NVARCHAR(20) NOT NULL  
4 );
```

1.1.7. CHUYENNGANH

```
1 CREATE TABLE CHUYENNGANH (  
2     MSCN INT PRIMARY KEY,  
3     TENCN NVARCHAR(30) NOT NULL  
4 );
```

1.1.8. GV_HV_CN

```
1 CREATE TABLE GV_HV_CN (  
2     MSGV INT,  
3     MSHV INT,  
4     MSCN INT,  
5     NAM SMALLDATETIME NOT NULL,  
6     PRIMARY KEY (MSGV, MSHV, MSCN),  
7     CONSTRAINT FK_GV_HV_CN_GV FOREIGN KEY (MSGV) REFERENCES GIAOVIEN(MSGV),  
8     CONSTRAINT FK_GV_HV_CN_HV FOREIGN KEY (MSHV) REFERENCES HOCVI(MSHV),  
9     CONSTRAINT FK_GV_HV_CN_CN FOREIGN KEY (MSCN) REFERENCES CHUYENNGANH(MSCN)  
10 );
```

1.1.9. GV_HDDT

```
1 CREATE TABLE GV_HDDT (  
2     MSGV INT,  
3     MSDT CHAR(6),  
4     DIEM FLOAT NOT NULL,  
5     PRIMARY KEY (MSGV, MSDT),  
6     CONSTRAINT FK_GV_HDDT_GV FOREIGN KEY (MSGV) REFERENCES GIAOVIEN(MSGV),  
7     CONSTRAINT FK_GV_HDDT_DT FOREIGN KEY (MSDT) REFERENCES DETAI(MSDT)  
8 );
```

1.1.10. GV_PBDT

```
1 CREATE TABLE GV_PBDT (  
2     MSGV INT,  
3     MSDT CHAR(6),  
4     DIEM FLOAT NOT NULL,  
5     PRIMARY KEY (MSGV, MSDT),  
6     CONSTRAINT FK_GV_PBDT_GV FOREIGN KEY (MSGV) REFERENCES GIAOVIEN(MSGV),  
7     CONSTRAINT FK_GV_PBDT_DT FOREIGN KEY (MSDT) REFERENCES DETAI(MSDT)  
8 );
```

1.1.11. GV_UVDT

```
1 CREATE TABLE GV_UVDT (  
2     MSGV INT,  
3     MSDT CHAR(6),  
4     DIEM FLOAT NOT NULL,  
5     PRIMARY KEY (MSGV, MSDT),  
6     CONSTRAINT FK_GV_UVDT_GV FOREIGN KEY (MSGV) REFERENCES GIAOVIEN(MSGV),  
7     CONSTRAINT FK_GV_UVDT_DT FOREIGN KEY (MSDT) REFERENCES DETAI(MSDT)  
8 );
```

1.1.12. HOIDONG

```
1 CREATE TABLE HOIDONG (  
2     MSHD INT PRIMARY KEY,  
3     PHONG INT NOT NULL,  
4     TGBD SMALLDATETIME NOT NULL,  
5     NGAYHD SMALLDATETIME NOT NULL,  
6     TINHTRANG NVARCHAR(30),  
7     MSGV INT,  
8     CONSTRAINT FK_HD_GV FOREIGN KEY (MSGV) REFERENCES GIAOVIEN(MSGV)  
9 );
```


1.1.13. HOIDONG_GV

```
1 CREATE TABLE HOIDONG_GV (  
2     MSHD INT,  
3     MSGV INT,  
4     PRIMARY KEY (MSHD, MSGV),  
5     CONSTRAINT FK_HD_GV_HD FOREIGN KEY (MSHD) REFERENCES HOIDONG(MSHD),  
6     CONSTRAINT FK_HD_GV_GV FOREIGN KEY (MSGV) REFERENCES GIAOVIEN(MSGV)  
7 );
```

1.1.14. HOIDONG_DT

```
1 CREATE TABLE HOIDONG_DT (  
2     MSHD INT,  
3     MSDT CHAR(6),  
4     QUYETDINH NCHAR(10),  
5     CONSTRAINT PK_HD_DT PRIMARY KEY (MSHD, MSDT),  
6     CONSTRAINT FK_HD_DT_HD FOREIGN KEY (MSHD) REFERENCES HOIDONG(MSHD),  
7     CONSTRAINT FK_HD_DT_DT FOREIGN KEY (MSDT) REFERENCES DETAI(MSDT)  
8 );
```

1.2. INSERT - Thêm Dữ Liệu

1.2.1. Table SINHVIEN

```
1 INSERT INTO SINHVIEN (MSSV, TENSX, SODT, LOP, DIACHI) VALUES  
2 ('13520001', N'Nguyễn Văn An', '0906762255', 'SE103.U32', N'THỦ ĐỨC'),  
3 ('13520002', N'Phan Tấn Đạt', '0975672350', 'IE204.T21', N'QUẬN 1'),  
4 ('13520003', N'Nguyễn Anh Hải', '0947578688', 'IE205.R12', N'QUẬN 9'),  
5 ('13520004', N'Phạm Tài', '0956757869', 'IE202.A22', N'QUẬN 1'),  
6 ('13520005', N'Lê Thúy Hằng', '0976668688', 'SE304.E22', N'THỦ ĐỨC'),  
7 ('13520006', N'Ứng Hồng Ân', '0957475898', 'IE208.F33', N'QUẬN 2');
```

1.2.2. Table DETAI

```
1 INSERT INTO DETAI (MSDT, TENDT) VALUES  
2 ('97001', N'Quản lý thư viện'),  
3 ('97002', N'Nhận dạng vân tay'),  
4 ('97003', N'Bán đấu giá trên mạng'),  
5 ('97004', N'Quản lý siêu thị'),  
6 ('97005', N'Xử lý ảnh'),  
7 ('97006', N'Hệ giải toán thông minh');
```

1.2.3. Table SV_DETAI

```
1 INSERT INTO SV_DETAI (MSSV, MSDT) VALUES
2 ('13520001', '97004'),
3 ('13520002', '97005'),
4 ('13520003', '97001'),
5 ('13520004', '97002'),
6 ('13520005', '97003'),
7 ('13520006', '97005');
```

1.2.4. Table HOCHAM

```
1 INSERT INTO HOCHAM (MSHH, TENHH) VALUES
2 (1, N'PHÓ GIÁO SƯ'),
3 (2, N'GIÁO SƯ');
```

1.2.5. Table GIAOVIEN

```
1 INSERT INTO GIAOVIEN (MSGV, TENG, DIACHI, SODT, MSHH, NAMHH) VALUES
2 (201, N'Trần Trung', N'Bến Tre', '35353535', 1, '1996'),
3 (202, N'Nguyễn Văn An', N'Tiền Giang', '67868688', 1, '1996'),
4 (203, N'Trần Thu Trang', N'Cần Thơ', '74758687', 1, '1996'),
5 (204, N'Nguyễn Thị Loan', N'TP. HCM', '56575868', 2, '2005'),
6 (205, N'Chu Tiến', N'Hà Nội', '46466646', 2, '2005');
```

1.2.6. Table HOCVI

```
1 INSERT INTO HOCVI (MSHV, TENHV) VALUES
2 (1, N'Kỹ sư'),
3 (2, N'Cử nhân'),
4 (3, N'Thạc sĩ'),
5 (4, N'Tiến sĩ'),
6 (5, N'Tiến sĩ Khoa học');
```

1.2.7. Table CHUYENNGANH

```
1 INSERT INTO CHUYENNGANH (MSCN, TENCN) VALUES
2 (1, N'Công nghệ Web'),
3 (2, N'Mạng xã hội'),
4 (3, N'Quản lý CNTT'),
5 (4, N'GIS');
```

1.2.8. Table GV_HV_CN

```
1 INSERT INTO GV_HV_CN (MSGV, MSHV, MSCN, NAM) VALUES
2 (201, 1, 1, '2013'),
3 (201, 1, 2, '2013'),
4 (201, 2, 1, '2014'),
5 (202, 3, 2, '2013'),
6 (203, 2, 4, '2014'),
7 (204, 3, 2, '2014');
```

1.2.9. Table GV_HDDT

```
1 INSERT INTO GV_HDDT (MSGV, MSDT, DIEM) VALUES
2 (201, '97001', 8),
3 (202, '97002', 7),
4 (205, '97001', 9),
5 (204, '97004', 7),
6 (203, '97005', 9);
```

1.2.10. Table GV_PBDT

```
1 INSERT INTO GV_PBDT (MSGV, MSDT, DIEM) VALUES
2 (201, '97005', 8),
3 (202, '97001', 7),
4 (205, '97004', 9),
5 (204, '97003', 7),
6 (203, '97002', 9);
```

1.2.11. Table GV_UVDT

```
1 INSERT INTO GV_UVDT (MSGV, MSDT, DIEM) VALUES
2 (205, '97005', 8),
3 (202, '97005', 7),
4 (204, '97005', 9),
5 (203, '97001', 7),
6 (204, '97001', 9),
7 (205, '97001', 8),
8 (203, '97003', 7),
9 (201, '97003', 9),
10 (202, '97003', 7),
11 (201, '97004', 9),
12 (202, '97004', 8),
13 (203, '97004', 7),
14 (201, '97002', 9),
15 (204, '97002', 7),
16 (205, '97002', 9),
17 (201, '97006', 9),
18 (202, '97006', 7),
19 (204, '97006', 9);
```

1.2.12. Table HOIDONG

```
1 INSERT INTO HOIDONG (MSHD, PHONG, TGBD, NGÀYHD, TINHTRANG, MSGV) VALUES
2 (1, 2, '07:00', '2014-11-29', N'Thật', 201),
3 (2, 102, '07:00', '2014-12-05', N'Thật', 202),
4 (3, 3, '08:00', '2014-12-06', N'Thật', 203);
```

1.2.13. Table HOIDONG_GV

```
1 INSERT INTO HOIDONG_GV (MSHD, MSGV) VALUES
2 (1, 201), (1, 202), (1, 203), (1, 204),
3 (2, 203), (2, 202), (2, 205), (2, 204),
4 (3, 201), (3, 202), (3, 203), (3, 204);
```

1.2.14. Table HOIDONG_DT

```
1 INSERT INTO HOIDONG_DT (MSHD, MSDT, QUYETDINH) VALUES
2 (1, '97001', N'Được'),
3 (1, '97002', N'Được'),
4 (2, '97001', N'Không'),
5 (2, '97004', N'Không'),
6 (1, '97005', N'Được'),
7 (3, '97001', N'Không'),
8 (3, '97002', N'Được');
```

PHẦN 2

2.1. A. STORED PROCEDURES VỚI THAM SỐ VÀO

2.1.1. Kiểm Tra MSHH Trong Table HOCHAM

- Tham số vào là MSGV, TENG, SODT, DIACHI, MSHH, NAMHH.
- Trước khi insert dữ liệu cần kiểm tra MSHH đã tồn tại trong table HOCHAM chưa
 - Nếu chưa thì trả về giá trị 0.

```
1 CREATE PROC SP_INS_GV_KT_MSHH
2     @MSGV INT,
3     @TENG NVARCHAR(30),
4     @SODT VARCHAR(10),
5     @DIACHI NVARCHAR(50),
6     @MSHH INT,
7     @NAMHH SMALLDATETIME
8 AS
9 BEGIN
10     IF NOT EXISTS (SELECT MSHH FROM HOCHAM WHERE MSHH = @MSHH)
11         RETURN 0
12     INSERT INTO GIAOVIEN VALUES (@MSGV, @TENG, @DIACHI, @SODT, @MSHH, @NAMHH)
13     RETURN 1
14 END;
```

2.1.2. Kiểm Tra MSGV Trong Table GIAOVIEN

- Tham số vào là MSGV, TENG, SODT, DIACHI, MSHH, NAMHH.
- Trước khi insert dữ liệu cần kiểm tra MSGV trong table GIAOVIEN có trùng không
 - Nếu trùng thì trả về giá trị 0.

```

1 CREATE PROC SP_INS_GV_KT_MSGV
2     @MSGV INT,
3     @TENGV NVARCHAR(30),
4     @SODT VARCHAR(10),
5     @DIACHI NVARCHAR(50),
6     @MSHH INT,
7     @NAMHH SMALLDATETIME
8 AS
9 BEGIN
10     IF EXISTS (
11         SELECT 1
12         FROM GIAOVIEN
13         WHERE MSGV = @MSGV
14     )
15     BEGIN
16         RETURN 0; -- MSGV đã tồn tại
17     END
18     INSERT INTO GIAOVIEN VALUES (@MSGV, @TENGV, @DIACHI, @SODT, @MSHH, @NAMHH)
19     RETURN 1
20 END;

```

2.1.3. Kiểm Tra MSGV và MSHH

- Giống Mục 2.1.1 và Mục 2.1.2, kiểm tra xem MSGV có trùng không? MSHH có tồn tại chưa?
 - Nếu MSGV trùng thì trả về 0.
 - Nếu MSHH chưa tồn tại trả về 1.
 - Ngược lại cho INSERT dữ liệu

```

1 CREATE PROC SP_INS_GV_KT_MSHH_MSGV
2     @MSGV INT,
3     @TENGV NVARCHAR(30),
4     @SODT VARCHAR(10),
5     @DIACHI NVARCHAR(50),
6     @MSHH INT,
7     @NAMHH SMALLDATETIME
8 AS
9 BEGIN
10     IF NOT EXISTS (SELECT MSHH FROM HOCHAM WHERE MSHH = @MSHH)
11     BEGIN
12         RETURN 1; -- Nếu MSHH chưa tồn tại trả về 1
13     END
14     IF EXISTS (SELECT 1 FROM GIAOVIEN WHERE MSGV = @MSGV)
15     BEGIN
16         RETURN 0; -- Nếu MSGV trùng thì trả về 0
17     END
18     INSERT INTO GIAOVIEN VALUES (@MSGV, @TENGV, @DIACHI, @SODT, @MSHH, @NAMHH)
19 END;

```

2.1.4. Thao Tác với MSDT và TENDT

- Đưa vào MSDT cũ, TENDT mới.
- Hãy cập nhật tên đề tài mới với mã đề tài cũ không đổi.
 - Nếu không tìm thấy, trả về 0.
 - Ngược lại cập nhật và trả về 1.

```
1 CREATE PROC SP_UPD_DETAI_KT_MSDT
2     @MSDT char(6),
3     @TENDT NVARCHAR(30)
4 AS
5 BEGIN
6     IF NOT EXISTS (SELECT MSDT FROM DETAI WHERE MSDT = @MSDT)
7     BEGIN
8         RETURN 0; -- Nếu MSHH chưa tồn tại trả về 0
9     END
10
11     UPDATE DETAI
12     SET TENDT = @TENDT
13     WHERE MSDT = @MSDT
14     RETURN 1
15 END;
```

2.1.5. Thao Tác với MSSV, TENSX, DIACHI

- Tham số đưa vào MSSV, TENSX mới, DIACHI mới.
- Hãy cập nhật sinh viên trên với MSSV không đổi.
 - Nếu không tìm thấy, trả về 0.
 - Ngược lại cập nhật và trả về 1.

```
1 CREATE PROC SP_UPD_SINHVIEN_KT_MSSV
2     @MSSV char(8),
3     @TENSX NVARCHAR(30),
4     @DIACHI nvarchar(50)
5 AS
6 BEGIN
7     IF NOT EXISTS (SELECT MSSV FROM SINHVIEN WHERE MSSV = @MSSV)
8     BEGIN
9         RETURN 0; -- Nếu không tìm thấy trả về 0,
10    END
11
12    UPDATE SINHVIEN
13    SET TENSX = @TENSX, DIACHI = @DIACHI
14    WHERE MSSV = @MSSV
15    RETURN 1
16 END;
```

2.2. B. STORED PROCEDURES VỚI THAM SỐ VÀO VÀ RA

2.2.1. Đưa vào TENHV trả ra GV

Trả ra:

- Số GV thỏa học vị
- Nếu không tìm thấy trả về 0

```
1  -- Tạo Stored Procedure
2  Create procedure sp_CountGVTheoHocVi
3      @TenHV NVARCHAR(20),
4      @SOGV INT OUTPUT
5  AS
6      BEGIN
7          SET @SOGV = 0;
8
9          DECLARE @MSHV_HOCVI INT;
10         SELECT @MSHV_HOCVI = MSHV
11         FROM HOCVI
12         WHERE TENHV = @TenHV;
13
14         IF @MSHV_HOCVI IS NOT NULL
15         BEGIN
16             SELECT @SOGV = COUNT(DISTINCT MSGV)
17             FROM GV_HV_CN
18             WHERE MSHV = @MSHV_HOCVI;
19         end;
20     end;
21 GO
```

2.2.1.1. Ví dụ 1: Học Vị Thạc Sĩ

- Học Vị = Thạc Sĩ

```
1  DECLARE @KETQUA INT;
2  EXEC sp_CountGVTheoHocVi N'Thạc sĩ', @KETQUA output ;
3  SELECT N'Số GV Thạc sĩ: ' AS KetQua, @KETQUA AS SoLuong;
```

KetQua	SoLuong
Số GV Thạc sĩ:	2

2.2.1.2. Ví dụ 2: Học Vị Tiến Sĩ

- Học vị = Tiến Sĩ (Không tồn tại)


```

1 DECLARE @KETQUA INT;
2 EXEC sp_CountGVTheoHocVi N'Tiến sĩ', @KETQUA output ;
3 SELECT N'Số GV Tiến sĩ: ' AS KetQua, @KETQUA AS SoLuong;

```

KetQua	SoLuong
Số GV Tiến sĩ:	0

2.2.2. Đưa vào MSĐT trả về Điểm Trung Bình của Đề Tài

Đưa vào:

- MSĐT

Cho biết:

- Điểm trung bình của đề tài.
 - Nếu không tìm thấy trả về 0.

```

1 CREATE PROCEDURE SP_DiemTBDeTai
2     @MSDT CHAR(6),
3     @DIEMTRUNGBINH FLOAT OUTPUT
4 AS
5 BEGIN
6     SET @DIEMTRUNGBINH = 0;
7
8     SELECT @DIEMTRUNGBINH = AVG(DIEM)
9     FROM (
10         SELECT DIEM FROM GV_HDDT WHERE MSDT = @MSDT
11         UNION ALL
12         SELECT DIEM FROM GV_PBDT WHERE MSDT = @MSDT
13         UNION ALL
14         SELECT DIEM FROM GV_UVDT WHERE MSDT = @MSDT
15     ) AS ALLDIEM;
16
17     IF @DIEMTRUNGBINH IS NULL
18     BEGIN
19         SET @DIEMTRUNGBINH = 0;
20     END
21 END
22 GO

```

2.2.2.1. Ví dụ 1: Đề tài 97001

```

1 DECLARE @KETQUA FLOAT;
2 EXEC SP_DiemTBDeTai '97001', @KETQUA output ;
3 SELECT 'Diem TB De Tai 97001 ' AS KETQUA, @KETQUA AS DiemTB;

```

KETQUA	DiemTB
Diem TB De Tai 97001	8

2.2.2.2. Ví dụ 2: 97007

- Đề tài không có điểm: 97007

```

1 DECLARE @KETQUA FLOAT;
2 EXEC sp_DiemTBDeTai '97007', @KETQUA OUTPUT;
3 SELECT 'Diem TB De Tai 97007 ' AS KetQua, @KETQUA AS DiemTB;

```

KETQUA	DiemTB
Diem TB De Tai 97007	0

2.2.3. Đưa vào TENG V trả ra SDT của GV

Đưa vào TENG V trả ra:

- SDT của giáo viên đó.
- Nếu không tìm thấy trả về 0.
- Nếu trùng tên thì có báo lỗi không?
 - Tại sao?
- Làm sao để hiện thông báo có bao nhiêu giáo viên trùng tên và trả về các SDT?

Giải đáp:

- Nếu trùng tên thì sẽ không báo lỗi.
 - Nguyên nhân là nếu trùng tên thì đồng nghĩa với việc đang có nhiều records (bản ghi) có column là TENG V đang giống nhau.
 - Về mặt câu lệnh SQL, có thể như sau: `sql SELECT * FROM GIAOVIEN WHERE TENG V = %NAME`.
 - Kết quả trả về của câu lệnh SQL này có khả năng sẽ là 0, 1 hoặc nhiều records.
 - Nếu đề cập tới việc xảy ra lỗi ở đây thì có khả năng liên quan tới việc dữ liệu có khả năng bị sai lệch do sẽ không biết được sẽ lấy số điện thoại của record nào để trả về.
- Đáp ứng yêu cầu hiện thông báo có bao nhiêu giáo viên trùng tên và trả về các SDT, ta có thể làm như sau:

```

1 CREATE PROCEDURE sp_TimGVTheoTen @TENGV NVARCHAR(30),
2                                     @SOLUONGGV INT OUTPUT,
3                                     @DS_SDT VARCHAR(100) OUTPUT
4 AS
5 BEGIN
6     SET @DS_SDT = '';
7     -- DEM SO LUONG GIAO VIEN TRUNG TEN
8     SELECT @SOLUONGGV = COUNT(MSGV)
9     FROM GIAOVIEN
10    WHERE TENGV = @TENGV;
11 end
12 -- KIEM TRA SO LUONG GIAO VIEN VA TRA VE THONG TIN TUONG UNG
13 IF @SOLUONGGV > 0
14     BEGIN
15         SELECT @DS_SDT = STRING_AGG(SODT, ', ')
16         FROM GIAOVIEN
17         WHERE TENGV = @TENGV;
18     end
19 ELSE
20     BEGIN
21         SET @SOLUONGGV = 0;
22         SET @DS_SDT = '';
23     end;
24 GO

```

Dữ liệu bảng GIAOVIEN (Đã thêm một record Nguyễn Văn An, MSGV : 206 , SODT : 12434343):

```

1 INSERT INTO GIAOVIEN (MSGV, TENGV, DIACHI, SODT, MSHH, NAMHH)
2 VALUES (206, N'Nguyễn Văn An', N'Cần Thơ', '12434343', 1, '2025');

```

Giá trị của bảng (không hiển thị cột NAMHH để tiết kiệm không gian):

MSGV	TENGV	DIACHI	SODT	MSHH
201	Trần Trung	Bến Tre	35353535	1
202	Nguyễn Văn An	Tiền Giang	67868688	1
203	Trần Thu Trang	Cần Thơ	74758687	1
204	Nguyễn Thị Loan	TP. HCM	56575868	2
205	Chu Tiến	Hà Nội	46466646	2
206	Nguyễn Văn An	Cần Thơ	12434343	1

2.2.3.1. Ví dụ 1: Có trùng tên

- Trường hợp trùng tên: Nguyễn Văn An

```

1 DECLARE @SoLuong INT, @DS_SDT NVARCHAR(100);
2 EXEC sp_TimGVTheoTen N'Nguyễn Văn An', @SoLuong OUTPUT, @DS_SDT OUTPUT;
3 SELECT N'Tong so giao vien trung ten: ' AS ThongBao, @SoLuong AS SoLuong, @DS_SDT AS 'Danh
   sach so dien thoai';

```

- Kết quả: trả về 2 bản ghi có sự trùng lặp ở trường `TENGV`

ThongBao	SoLuong	Danh sach so dien thoai
Tong so giao vien trung ten:	2	67868688, 12434343

2.2.3.2. Ví dụ 2: Không trùng tên

- Trường hợp không trùng tên: Trần Trung

```

1 DECLARE @SoLuong INT, @DS_SDT NVARCHAR(100);
2 EXEC sp_TimGVTheoTen N'Trần Trung', @SoLuong OUTPUT, @DS_SDT OUTPUT;
3 SELECT N'Tong so giao vien trung ten: ' AS ThongBao, @SoLuong AS SoLuong, @DS_SDT AS 'Danh
   sach so dien thoai';

```

- Kết quả: trả về duy nhất 1 bản ghi do không tìm thấy sự trùng lặp ở trường `TENGV`

ThongBao	SoLuong	Danh sach so dien thoai
Tong so giao vien trung ten:	1	35353535

2.2.3.3. Ví dụ 3: Tên không tồn tại

- Trường hợp không tìm thấy: Lê Kim Long

```

1 DECLARE @SoLuong INT, @DS_SDT NVARCHAR(100);
2 EXEC sp_TimGVTheoTen N'Lê Kim Long', @SoLuong OUTPUT, @DS_SDT OUTPUT;
3 SELECT N'Tong so giao vien trung ten: ' AS ThongBao, @SoLuong AS SoLuong, @DS_SDT AS 'Danh
   sach so dien thoai';

```

- Kết quả: `0`, vì không tìm thấy `TENGV` phù hợp.

ThongBao	SoLuong	Danh sach so dien thoai
Tong so giao vien trung ten:	0	

2.2.4. Đưa vào `MSHD` cho biết Điểm Trung Bình

Cho biết:

- Điểm trung bình các đề tài của hội đồng đó.

```

1 CREATE PROCEDURE sp_DiemTBTheoHD @MSHD INT,
2                                     @DIEM_TB FLOAT OUTPUT
3 AS
4 BEGIN
5     SET @DIEM_TB = 0;
6     SELECT @DIEM_TB = AVG(T2.DIEM) FROM HOIDONG_DT T1
7     JOIN (
8         SELECT MSDT, DIEM FROM GV_HDDT
9         UNION ALL
10        SELECT MSDT, DIEM FROM GV_PBDT
11        UNION ALL
12        SELECT MSDT, DIEM FROM GV_UVDT
13    ) AS T2 ON T1.MSDT = T2.MSDT
14    WHERE T1.MSHD = @MSHD
15    GROUP BY T1.MSDT;
16 end;
17 GO

```

2.2.4.1. Ví dụ: Hội đồng 1

```

1 DECLARE @MSHD INT = 1, @DiemTB FLOAT;
2 EXEC sp_DiemTBTheoHD @MSHD, @DiemTB output;
3 SELECT @MSHD as 'Ma So Hoi Dong', @DiemTB as 'Diem Trung Binh'

```

Ma So Hoi Dong	Diem Trung Binh
1	8.2

2.2.4.2. Ví dụ: Hội đồng 2

```

1 DECLARE @MSHD INT = 2, @DiemTB FLOAT;
2 EXEC sp_DiemTBTheoHD @MSHD, @DiemTB output;
3 SELECT @MSHD as 'Ma So Hoi Dong', @DiemTB as 'Diem Trung Binh'

```

Ma So Hoi Dong	Diem Trung Binh
2	8

2.2.5. Đưa vào TENG

Đưa vào TENG cho biết:

- Số đề tài hướng dẫn, số đề tài phản biện do giáo viên đó phụ trách.
- Nếu trùng tên thì có báo lỗi không hay hệ thống sẽ đếm tất cả các đề tài của những giáo viên trùng tên đó?

Giải đáp:

- Tương tự câu 3 ở trên, hệ thống sẽ không báo lỗi cú pháp SQL. Thay vào đó, hệ thống sẽ lấy được tất cả các records có cùng tên giáo viên đó.
- Xử lý Stored Procedure để trả về số lượng đề tài hướng dẫn và phản biện dựa theo tên giáo viên, ta có thể xử lý như sau (sử dụng THROW để thông báo lỗi):

```

1 CREATE PROCEDURE sp_ThongTinDeTaiGV @TENGV NVARCHAR(30),
2     @SoDT_HD INT OUTPUT,
3     @SoDT_PB INT OUTPUT
4 AS
5 BEGIN
6     SET @SoDT_HD = 0;
7     SET @SoDT_PB = 0;
8
9     DECLARE @SoLuong_GV_TrungTen INT;
10    SET @SoLuong_GV_TrungTen = 0;
11
12    -- Kiểm tra danh sách giáo viên xem có trùng tên không
13    SELECT @SoLuong_GV_TrungTen = Count(MSGV) FROM GIAOVIEN WHERE TENG = @TENGV
14
15    -- Nếu là 1: không trùng tên.
16    -- Nếu là 2 trở lên: trùng tên → Lỗi
17    -- Nếu là 0: không tồn tại giáo viên có tên này
18    IF @SoLuong_GV_TrungTen = 1
19        BEGIN
20            -- Lấy MSGV từ khi chỉ có 1 record duy nhất
21            DECLARE @MSGV INT;
22            SELECT @MSGV = MSGV FROM GIAOVIEN WHERE TENG = @TENGV
23
24            -- Đếm số lượng đề tài hướng dẫn và phản biện
25            SELECT @SoDT_HD = Count(MSDT) FROM GV_HDDT WHERE MSGV = @MSGV
26            SELECT @SoDT_PB = COUNT(MSDT) FROM GV_PBDT WHERE MSGV = @MSGV
27        end
28    ELSE IF @SoLuong_GV_TrungTen ≥ 2
29        BEGIN
30            THROW 51000, N'Trùng tên giáo viên', 2;
31        end
32    ELSE
33        BEGIN
34            THROW 51000, N'Không tìm thấy giáo viên', 1;
35        end
36    end
37 GO

```

2.2.5.1. Dữ liệu đang có

- GIAOVIEN

```

1 SELECT TOP (100) [MSGV]
2     ,[TENGV]
3     ,[DIACHI]
4     ,[SODT]
5     ,[MSHH]
6     -- ,[NAMHH]
7 FROM [IE103-BTTH2].[dbo].[GIAOVIEN]

```

MSGV	TENGV	DIACHI	SODT	MSHH
201	Trần Trung	Bến Tre	35353535	1
202	Nguyễn Văn An	Tiền Giang	67868688	1
203	Trần Thu Trang	Cần Thơ	74758687	1
204	Nguyễn Thị Loan	TP. HCM	56575868	2
205	Chu Tiến	Hà Nội	46466646	2
206	Nguyễn Văn An	Cần Thơ	12434343	1

- GV_HDDT

MSGV	MSDT	DIEM
201	97001	8
202	97002	7
203	97005	9
204	97004	7
205	97001	9

- GV_PBDT

MSGV	MSDT	DIEM
201	97005	8
202	97001	7
203	97002	9
204	97003	7
205	97004	9

2.2.5.2. Ví dụ 1: không tìm thấy giáo viên

- TENGV : Lê Kim Long

```

1 DECLARE @SoDT_HD INT, @SoDT_PB INT
2 EXEC sp_ThongTinDeTaiGV N'Lê Kim Long', @SoDT_HD OUTPUT ,@SoDT_PB OUTPUT ;
3 SELECT
4     @SoDT_HD AS N'Số lượng đề tài hướng dẫn',
5     @SoDT_PB AS N'Số lượng đề tài phản biện';

```

- Kết quả: thông báo “Không tìm thấy giáo viên”.

```

1 Msg 51000, Level 16, State 1, Procedure sp_ThongTinDeTaiGV, Line 34
2 Không tìm thấy giáo viên

```

2.2.5.3. Ví dụ 2: trùng tên giáo viên

- TENG : Nguyễn Văn An

```

1 DECLARE @SoDT_HD INT, @SoDT_PB INT
2 EXEC sp_ThongTinDeTaiGV N'Nguyễn Văn An', @SoDT_HD OUTPUT ,@SoDT_PB OUTPUT ;
3 SELECT
4     @SoDT_HD AS N'Số lượng đề tài hướng dẫn',
5     @SoDT_PB AS N'Số lượng đề tài phản biện';

```

- Kết quả: thông báo “Trùng tên giáo viên”.

```

1 Msg 51000, Level 16, State 2, Procedure sp_ThongTinDeTaiGV, Line 30
2 Trùng tên giáo viên

```

2.2.5.4. Ví dụ 3: tên giáo viên hợp lệ

- TENG : Trần Trung

```

1 DECLARE @SoDT_HD INT, @SoDT_PB INT
2 EXEC sp_ThongTinDeTaiGV N'Trần Trung', @SoDT_HD OUTPUT ,@SoDT_PB OUTPUT ;
3 SELECT
4     N'**Số lượng**' AS N'**Loại**',
5     @SoDT_HD AS N'Dề tài hướng dẫn',
6     @SoDT_PB AS N'Dề tài phản biện';

```

- Kết quả: trả về số lượng đề tài tương ứng hướng dẫn và phản biện.

Loại	Đề tài hướng dẫn	Đề tài phản biện
Số lượng	1	1

2.3. C. TRIGGER

TODO: 2.C TRIGGER: Chỉnh sửa LOGIC.

TODO: 2.C TRIGGER: Bổ sung Ví dụ.

2.3.1. Trigger khi Xóa Đề Tài

- Tạo Trigger thỏa mãn điều kiện khi xóa một đề tài sẽ xóa các thông tin liên quan.

2.3.1.1. Trigger

```
1 CREATE TRIGGER trg_C1_CheckSoLuongSVDeTai
2 ON SV_DETAI
3 AFTER INSERT, UPDATE
4 AS
5 BEGIN
6     DECLARE @MSDT char(6);
7     DECLARE @SoLuongSV int;
8     SELECT @MSDT = MSDT FROM inserted;
9     SELECT @SoLuongSV = COUNT(MSSV)
10    FROM SV_DETAI
11   WHERE MSDT = @MSDT;
12   IF @SoLuongSV > 4
13   BEGIN
14       RAISERROR(N'LỖI: Một đề tài không được phép có quá 4 sinh viên thực hiện.', 16,
15 1);
16       ROLLBACK TRANSACTION;
17       RETURN;
18   END
19 END
GO
```

2.3.1.2. Ví dụ

```
1 --- VÍ DỤ
```

2.3.2. Trigger thay đổi MSGV

- Tạo Trigger thỏa mãn rằng buộc là khi đổi 1 mã số giáo viên (MSGV) thì sẽ thay đổi các thông tin liên quan.

2.3.2.1. Trigger

```

1 CREATE TRIGGER trg_C2_CheckGVHVCN
2 ON GV_HV_CN
3 AFTER INSERT, UPDATE
4 AS
5 BEGIN
6     DECLARE @HasError int = 0;
7
8     -- 1. Kiểm tra MSGV
9     IF EXISTS (
10         SELECT *
11         FROM inserted AS i
12         WHERE NOT EXISTS (SELECT 1 FROM GIAOVIEN WHERE MSGV = i.MSGV)
13     )
14     BEGIN
15         RAISERROR(N'LỖI: Mã số giáo viên (MSGV) không tồn tại trong bảng GIAOVIEN.', 16,
16 1);
17         SET @HasError = 1;
18     END
19
20     -- 2. Kiểm tra MSHV
21     IF EXISTS (
22         SELECT *
23         FROM inserted AS i
24         WHERE NOT EXISTS (SELECT 1 FROM HOCVI WHERE MSHV = i.MSHV)
25     )
26     BEGIN
27         RAISERROR(N'LỖI: Mã số học vị (MSHV) không tồn tại trong bảng HOCVI.', 16, 1);
28         SET @HasError = 1;
29     END
30
31     -- 3. Kiểm tra MSCN
32     IF EXISTS (
33         SELECT *
34         FROM inserted AS i
35         WHERE NOT EXISTS (SELECT 1 FROM CHUYENNGANH WHERE MSCN = i.MSCN)
36     )
37     BEGIN
38         RAISERROR(N'LỖI: Mã số chuyên ngành (MSCN) không tồn tại trong bảng CHUYENNGANH.',
39 16, 1);
40         SET @HasError = 1;
41     END
42
43     IF @HasError = 1
44     BEGIN
45         ROLLBACK TRANSACTION;
46     END
47
48 END
49 GO

```

2.3.2.2. Ví dụ

2.3.3. Trigger Hội Đồng và Số Lượng Đề Tài

- Tạo Trigger thỏa mãn ràng buộc là một hội đồng không quá 10 đề tài.
- Dùng “Group by” có được không? Giải thích.

2.3.3.1. Trigger

```
1 CREATE TRIGGER trg_C3_CheckGvInHoiDong
2 ON HOIDONG_GV
3 AFTER INSERT, UPDATE
4 AS
5 BEGIN
6     IF EXISTS (
7         SELECT 1
8         FROM inserted AS i
9         INNER JOIN HOIDONG AS h ON i.MSHD = h.MSHD
10        WHERE i.MSGV = h.MSGV -- Nếu MSGV của thành viên hội đồng trùng với MSGV (Chủ
11 tịch) của HOIDONG
12    )
13    BEGIN
14        RAISERROR(N'LỖI: Giáo viên thành viên không được là Chủ tịch của cùng Hội đồng
15 đó.', 16, 1);
16        ROLLBACK TRANSACTION;
17        RETURN;
18    END
19 END
20 GO
```

2.3.3.2. Giải Thích

- CÓ/KHÔNG thể dùng `GROUP BY`.
- Vì:

2.3.3.3. Ví Dụ

2.3.4. Trigger Đề Tài và Số Lượng Sinh Viên

- Tạo Trigger thỏa mãn ràng buộc là một đề tài không quá 2 sinh viên.
- Dùng “Group by” có được không? Giải thích.

2.3.4.1. Trigger

```
1 CREATE TRIGGER trg_C4_CheckPhanBienVsHuongDan
2 ON GV_PBDT
3 AFTER INSERT, UPDATE
4 AS
5 BEGIN
6     IF EXISTS (
7         SELECT 1
8         FROM inserted AS i
9         INNER JOIN GV_HDDT AS hd ON i.MSGV = hd.MSGV AND i.MSDT = hd.MSDT
10    )
11    BEGIN
12        RAISERROR(N'LỖI: Giáo viên phản biện (GV_PBDT) không được là Giáo viên hướng dẫn
13 (GV_HDDT) cho cùng một đề tài.', 16, 1);
14        ROLLBACK TRANSACTION;
15        RETURN;
16    END
17 END
GO
```

2.3.4.2. Giải Thích

- CÓ/KHÔNG thể dùng `GROUP BY`.
- Vì:

2.3.4.3. Ví Dụ

2.3.5. Trigger Giáo Viên và Học Hàm

- Tạo Trigger thỏa mãn rằng buộc là một giáo viên muốn có học hàm PGS phải là tiến sĩ.

```

1 CREATE TRIGGER trg_C5_CheckNamHocHam
2 ON GIAOVIEN
3 AFTER INSERT, UPDATE
4 AS
5 BEGIN
6     DECLARE @NamHienTai int = YEAR(GETDATE());
7
8     IF EXISTS (
9         SELECT 1
10        FROM inserted AS i
11        WHERE YEAR(i.NAMHH) > @NamHienTai
12    )
13    BEGIN
14        RAISERROR(N'LỖI: Năm nhận học hàm (NAMHH) không được lớn hơn năm hiện tại.', 16,
15 1);
16        ROLLBACK TRANSACTION;
17        RETURN;
18    END
19 END
GO

```

2.4. D. FUNCTION

2.4.1. Tính Điểm Trung Bình của Đề Tài từ MSDT

- Viết hàm tính điểm trung bình của một đề tài.
- Giá trị trả về là điểm trung bình ứng với mã số đề tài nhập vào.

```

1 IF OBJECT_ID('f_TinhDiemTB', 'FN') IS NOT NULL
2     DROP FUNCTION f_TinhDiemTB;
3 GO
4
5 CREATE FUNCTION f_TinhDiemTB (@MSDT char(6))
6 RETURNS float
7 AS
8 BEGIN
9     IF NOT EXISTS (SELECT 1 FROM DETAI WHERE MSDT = @MSDT)
10         RETURN 0;
11
12     DECLARE @DiemTB float;
13
14     SELECT @DiemTB = AVG(DIEM)
15     FROM (
16         SELECT DIEM FROM GV_HDDT WHERE MSDT = @MSDT
17         UNION ALL
18         SELECT DIEM FROM GV_PBDT WHERE MSDT = @MSDT
19         UNION ALL
20         SELECT DIEM FROM GV_UVDT WHERE MSDT = @MSDT
21     ) AS TongHopDiem;
22
23     RETURN ROUND(ISNULL(@DiemTB, 0), 3);
24 END;
25 GO

```

2.4.1.1. Ví dụ 1

- Tính điểm tất cả đề tài trong bảng `DETAI`.

```

1 SELECT
2     MSDT,
3     TENDT,
4     dbo.f_TinhDiemTB(MSDT) AS DiemTrungBinh
5 FROM DETAI;

```

MSDT	TENDT	DiemTrungBinh
97001	Quản lý thư viện	8
97002	Nhận dạng vân tay	8.2
97003	Bán đấu giá trên mạng	7.5
97004	Quản lý siêu thị	8
97005	Xử lý ảnh	8.2
97006	Hệ giải toán thông minh	8.333

2.4.1.2. Ví dụ 2

- Tính điểm của 1 đề tài nhập vào cụ thể.

```
1 SELECT
2     '97001' AS 'MSDT',
3     dbo.f_TinhDiemTB('97001') AS DiemTrungBinh;
```

MSDT	DiemTrungBinh
97001	8

2.4.1.3. Ví dụ 3

- MSDT không tồn tại.

```
1 SELECT
2     '99999' AS 'MSDT',
3     dbo.f_TinhDiemTB('99999') AS DiemTrungBinh;
```

MSDT	DiemTrungBinh
99999	0

2.4.2. Kết Quả của Đề Tài từ MSDT

- Trả về kết quả của đề tài theo MSDT nhập vào.
- Kết quả là DAT nếu như điểm trung bình từ 5 trở lên, và KHONGDAT nếu như điểm trung bình dưới 5.


```

1 IF OBJECT_ID('f_KetQuaDeTai', 'FN') IS NOT NULL
2     DROP FUNCTION f_KetQuaDeTai;
3 GO
4
5 CREATE FUNCTION f_KetQuaDeTai (@MSDT char(6))
6 RETURNS NVARCHAR(20)
7 AS
8 BEGIN
9     DECLARE @DiemTB float;
10    DECLARE @KetQua NVARCHAR(20);
11
12    SET @DiemTB = dbo.f_TinhDiemTB(@MSDT);
13
14    IF (@DiemTB ≥ 5)
15        SET @KetQua = N'DAT';
16    ELSE
17        SET @KetQua = N'KHONGDAT';
18
19    RETURN @KetQua;
20 END;
21 GO

```

2.4.2.1. Ví dụ 1

- Một đề tài cụ thể.

```

1 SELECT
2     '97001' AS 'MSDT',
3     dbo.f_KetQuaDeTai('97001') AS KetQuaDeTai;

```

MSDT	KetQuaDeTai
97001	DAT

2.4.2.2. Ví dụ 2

- Đề tài không tồn tại (được xem là KHÔNG ĐẠT).

```

1 SELECT
2     '99999' AS 'MSDT',
3     dbo.f_KetQuaDeTai('99999') AS KetQuaDeTai;

```

MSDT	KetQuaDeTai
99999	KHONGDAT

2.4.3. Thông Tin Sinh Viên từ MSĐT

- Đưa vào `MSDT`, trả về mã số và họ tên của các sinh viên thực hiện đề tài.

```
1 IF OBJECT_ID('f_DanhSachSVThucHienDeTai', 'IF') IS NOT NULL
2     DROP FUNCTION f_DanhSachSVThucHienDeTai;
3 GO
4
5 CREATE FUNCTION f_DanhSachSVThucHienDeTai (@MSDT char(6))
6 RETURNS TABLE
7 AS
8 RETURN (
9     SELECT
10         SV.MSSV,
11         SV.TENSV
12     FROM SINHVIEN SV
13     JOIN SV_DETAI SD ON SV.MSSV = SD.MSSV
14     WHERE SD.MSDT = @MSDT
15 );
16 GO
```

2.4.3.1. Ví dụ 1

- `MSDT` cụ thể: 97001

```
1 SELECT * FROM dbo.f_DanhSachSVThucHienDeTai('97001');
```

MSSV	TENSV
13520003	Nguyễn Anh Hải

2.4.3.2. Ví dụ 2

- `MSDT` không tồn tại, có nghĩa không có sinh viên. Kết quả trống.

```
1 SELECT * FROM dbo.f_DanhSachSVThucHienDeTai('97006');
```

MSSV	TENSV

2.5. E. CURSOR

2.5.1. Tạo Bảng `DETAI_DIEM`

```
1 CREATE TABLE DETAI_DIEM (  
2     MSDT char(6) PRIMARY KEY,  
3     DIEMTB FLOAT,  
4     CONSTRAINT FK_DETAI_DIEM_DETAI FOREIGN KEY (MSDT) REFERENCES DETAI(MSDT)  
5 );
```

`DETAI_DIEM` đã được tạo:

database	schema	name	type
IE103-BTTH2	dbo	CHUYENNGANH	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	DETAI	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	GIAOVIEN	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	GV_HDDT	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	GV_HV_CN	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	GV_PBDT	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	GV_UVDT	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	HOCHAM	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	HOCVI	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	HOIDONG	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	HOIDONG_DT	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	HOIDONG_GV	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	SINHVIEN	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	SV_DETAI	BASE TABLE
IE103-BTTH2	dbo	DETAI_DIEM	BASE TABLE

2.5.2. Cursor Tính Điểm Trung Bình

- Viết Cursor tính điểm trung bình cho từng đề tài.
- Sau đó lưu kết quả vào bảng `DETAI_DIEM`.

Khởi tạo Cursor:

- Khai báo biến

```
1 DECLARE @MSDT CHAR(6);  
2 DECLARE @DIEMTB FLOAT;
```

- Xóa dữ liệu cũ trong bảng kết quả (nếu có)

```
1 DELETE FROM DETAI_DIEM;
```

- Khai báo Cursor

```
1 DECLARE CUR_TINH_DIEM CURSOR FOR
2     SELECT MSDT
3     FROM DETAI;
4
5 -- Mở Cursor
6 OPEN CUR_TINH_DIEM;
7
8 -- Lấy dòng đầu tiên
9 FETCH NEXT FROM CUR_TINH_DIEM INTO @MSDT;
10
11 WHILE @@FETCH_STATUS = 0
12 BEGIN
13     -- Tính điểm trung bình cho đề tài
14     SELECT @DIEMTB = ROUND(AVG(DIEM), 2)
15     FROM (
16         SELECT DIEM FROM GV_HDDT WHERE MSDT = @MSDT
17         UNION ALL
18         SELECT DIEM FROM GV_PBDT WHERE MSDT = @MSDT
19         UNION ALL
20         SELECT DIEM FROM GV_UVDT WHERE MSDT = @MSDT
21     ) AS T;
22
23     -- Lưu kết quả vào DETAI_DIEM
24     INSERT INTO DETAI_DIEM(MSDT, DIEMTB)
25     VALUES (@MSDT, @DIEMTB);
26
27     -- Lấy dòng tiếp theo
28     FETCH NEXT FROM CUR_TINH_DIEM INTO @MSDT;
29 END
30
31 -- Đóng và hủy Cursor
32 CLOSE CUR_TINH_DIEM;
33 DEALLOCATE CUR_TINH_DIEM;
```

- Kiểm tra bảng `DETAI_DIEM` đã nhập được chưa.

```
1 SELECT * FROM DETAI_DIEM;
```

MSDT	DIEMTB
97001	8
97002	8.2

97003	7.5
97004	8
97005	8.2
97006	8.33

2.5.3. Tạo Stored Procedure cho Tính Điểm Trung Bình

- Gom các bước xử lý của Cursor ở Mục Tính Điểm Trung Bình 2.5.2 vào một Stored Procedure.

```

1 CREATE OR ALTER PROCEDURE SP_TINH_DIEMTB_DETAI
2 AS
3 BEGIN
4     SET NOCOUNT ON;
5
6     DECLARE @MSDT CHAR(6);
7     DECLARE @DIEMTB FLOAT;
8
9     -- Làm sạch: Xóa dữ liệu cũ (tránh trùng khi chạy lại)
10    DELETE FROM DETAI_DIEM;
11
12    -- Cursor duyệt từng đề tài
13    DECLARE CUR_DETAI CURSOR FOR
14        SELECT MSDT
15        FROM DETAI;
16
17    OPEN CUR_DETAI;
18    FETCH NEXT FROM CUR_DETAI INTO @MSDT;
19
20    WHILE @@FETCH_STATUS = 0
21    BEGIN
22        -- Tính điểm trung bình của đề tài
23        SELECT @DIEMTB = ROUND(AVG(DIEM), 2)
24        FROM (
25            SELECT DIEM FROM GV_HDDT WHERE MSDT = @MSDT
26            UNION ALL
27            SELECT DIEM FROM GV_PBDT WHERE MSDT = @MSDT
28            UNION ALL
29            SELECT DIEM FROM GV_UVDT WHERE MSDT = @MSDT
30        ) AS T;
31
32        -- Lưu vào bảng DETAI_DIEM
33        INSERT INTO DETAI_DIEM(MSDT, DIEMTB)
34        VALUES (@MSDT, @DIEMTB);
35
36        FETCH NEXT FROM CUR_DETAI INTO @MSDT;
37    END
38
39    CLOSE CUR_DETAI;
40    DEALLOCATE CUR_DETAI;
41 END;

```

- Chạy Stored Procedure vừa tạo:

```

1 EXEC SP_TINH_DIEMTB_DETAI;

```

- Kiểm tra bảng DETAI_DIEM :

```
1 SELECT * FROM DETAI_DIEM;
```

MSDT	DIEMTB
97001	8
97002	8.2
97003	7.5
97004	8
97005	8.2
97006	8.33

2.5.4. Xếp Loại Kết Quả với XEPOAI

2.5.4.1. Yêu cầu

- Tạo thêm cột XEPOAI có kiểu là NVARCHAR(20) trong bảng DETAI_DIEM.
- Viết Cursor cập nhật kết quả xếp loại cho mỗi đề tài như sau:
 - “Xuất sắc”: điểm trung bình từ 9 đến 10.
 - “Giỏi”: điểm trung bình từ 8 đến 9.
 - “Khá”: điểm trung bình từ 7 đến 8.
 - “Trung bình khá”: điểm trung bình từ 6 đến 7.
 - “Trung bình”: điểm trung bình từ 5 đến 6.
 - “Yếu”: điểm trung bình từ 4 đến 5.
 - “Kém”: điểm trung bình dưới 4.

2.5.4.2. Thực hiện

- Thêm cột XEPOAI :

```
1 ALTER TABLE DETAI_DIEM
2 ADD XEPOAI NVARCHAR(20);
```

- Khai báo biến

```
1 DECLARE @MSDT CHAR(6);
2 DECLARE @DIEMTB FLOAT;
3 DECLARE @XEPOAI NVARCHAR(20);
```

- Khai báo Cursor, lấy mã đề tài và điểm trung bình:

```
1 DECLARE CUR_XEPOAI CURSOR FOR
2     SELECT MSDT, DIEMTB
3     FROM DETAI_DIEM;
```

- Cấu hình Cursor:

```

1  -- Mở Cursor
2  OPEN CUR_XEPLOAI;
3  FETCH NEXT FROM CUR_XEPLOAI INTO @MSDT, @DIEMTB;
4
5  WHILE @@FETCH_STATUS = 0
6  BEGIN
7      IF @DIEMTB ≥ 9 AND @DIEMTB ≤ 10
8          SET @XEPLOAI = N'Xuất sắc';
9      ELSE IF @DIEMTB ≥ 8
10         SET @XEPLOAI = N'Giỏi';
11     ELSE IF @DIEMTB ≥ 7
12         SET @XEPLOAI = N'Khá';
13     ELSE IF @DIEMTB ≥ 6
14         SET @XEPLOAI = N'Trung bình khá';
15     ELSE IF @DIEMTB ≥ 5
16         SET @XEPLOAI = N'Trung bình';
17     ELSE IF @DIEMTB ≥ 4
18         SET @XEPLOAI = N'Yếu';
19     ELSE
20         SET @XEPLOAI = N'Kém';
21
22     UPDATE DETAI_DIEM
23     SET XEPLOAI = @XEPLOAI
24     WHERE MSDT = @MSDT;
25
26     FETCH NEXT FROM CUR_XEPLOAI INTO @MSDT, @DIEMTB;
27 END
28 -- Đóng Cursor sau khi duyệt xong dữ liệu
29 CLOSE CUR_XEPLOAI;
30 -- Hủy Cursor sau khi hoàn thành
31 DEALLOCATE CUR_XEPLOAI;

```

- Kiểm tra bảng DETAI_DIEM :

```

1  SELECT * FROM DETAI_DIEM;

```

MSDT	DIEMTB	XEPLOAI
97001	8	Giỏi
97002	8.2	Giỏi
97003	7.5	Khá
97004	8	Giỏi
97005	8.2	Giỏi
97006	8.33	Giỏi

PHỤ LỤC: THIẾT LẬP MÔI TRƯỜNG LAB

3.1. Các Tài Nguyên

Các tài nguyên (tài liệu, code, vv...) của lab này được lưu tại:

- [LT.K2025.2-CNTT > IE103 > assignments > BTTH2](#)
 - `content`: Thư mục chứa các file nội dung của báo cáo.
 - `content/code`: Thư mục chứa các script `.sql` để thực thi.
 - `IE103-BTTH2`: Thư mục chứa file dự án `.sqlproj` cho SQL Projects.

3.2. Thiết bị

- macOS, M4 Pro (`arm64`).

3.3. Các công cụ

- `make` (cài đặt sẵn)
- `brew.sh`: quản lý gói.
- Colima
- `docker`
- Azure Database Studio (ADS)
- SQL Projects (ADS Extension)

3.4. Quản lý vòng đời của SQL Server.

- Sử dụng `make` với `Makefile`.

```
1 # Khởi tạo hoặc/và chạy SQL Server
2 make up
3
4 # Tắt/Shutdown SQL Server
5 make down
6
7 # Xóa bỏ SQL Server
8 make clean
```

3.5. Khởi tạo môi trường lab thủ công

- Kết nối vào SQL Server: `localhost`, `sa`, `Password123!`
- Tạo DB với `00-CREATE-DB.sql` hoặc nhập truy vấn thủ công.
- Chạy các script `.sql` tương ứng lần lượt từ thư mục `content/code`.
 - `bai-01-1.sql`
 - `bai-01-2.sql`
 - ...

3.6. Khởi tạo môi trường lab với ADS (SQL Projects)

- Mở thư mục Lab với ADS.
- Mở file project `IE103-BTTH2.sqlproj` từ SQL Projects.
- Chuột phải vào tên của project (IE103-BTTH2) và chọn Publish.
- Tiếp tục theo trình thuật sĩ hướng dẫn.
 - Có thể Load Profile `IE103-BTTH2.publish.xml` nếu muốn.